TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG H** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2024/DS - ST
Ngày: 21/5/2024
V/v: "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG H, TỈNH B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Như Ý.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Hoàng
2. Bà Cao Thị Lệ Pha.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Mộng Nghi là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông H, tỉnh B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông H *tham gia phiên toà:* Ông Lê Quốc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 114/2024/TLST – DS, ngày 08 tháng 3 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2024/QĐXX-ST ngày 12 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1978;

Bị đơn: Anh Võ Văn T1, sinh năm 1967;

Cùng địa chỉ: ấp C, xã Đ, huyện Đông H, tỉnh B

(Chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T1 vắng mặt lần thứ 2)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04/3/2024 cùng các lời khai trong quá trình tố tụng, chị Trần Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 1996 anh chị tự nguyện yêu thương sống chung với nhau và đến năm 2006 có đăng ký kết hôn theo quy định.

Nguyên nhân ly hôn: Do mâu thuẫn cải vã cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và hiện anh chị đã sống ly thân anh chị cũng không có biện pháp hàn gắn

cuộc sống vợ chồng. Nay chị xác định không còn tình cảm, không có khả năng hàn gắn nên yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Có 03 con chung tên Võ Chí Tâm, sinh ngày 08/7/2014, Võ Mỹ Tiên, sinh năm 1996 và Võ Minh Thiên, sinh năm 2001. Đối với Võ Chí Tâm hiện đang sống chung với chị T, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con và không đặt ra việc cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 28/3/2024 anh Võ Văn T1 trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về quan hệ hôn nhân, anh đồng ý ly hôn; về con chung: Có 03 con chung tên Võ Chí Tâm, sinh ngày 08/7/2014, Võ Mỹ Tiên, sinh năm 1996 và Võ Minh Thiên, sinh năm 2001. Đối với Võ Chí Tâm hiện đang sống chung với chị T, anh đồng ý giao Võ Chí Tâm, sinh ngày 08/7/2014 cho chị T nuôi dưỡng và không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung và nợ không có nên không đặt ra xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông H, tỉnh B phát biểu quan điểm cho rằng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 55, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Võ Văn T1.

Về con chung: Giao bé Trần Chí Tâm sinh ngày 08/7/2014 cho chị Trần Thị T nuôi dưỡng, hiện chị T đang nuôi dưỡng được giữ nguyên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và nợ: Không có nên không đặt ra xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị T phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông H về tuân theo pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Trần Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Võ Văn T1, có địa chỉ cư trú tại ấp Cây Thẻ, xã Định Thành, huyện Đông H, tỉnh B. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Đông H, tỉnh B.

Chị Trần Thị T có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt; anh Võ Văn T1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đương sự nêu trên.

[2]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 1996 anh chị tự nguyện yêu thương, chung sống với nhau đến năm 2006 có đăng ký kết hôn theo quy định, nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận.

Nay chị T xác định cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn, anh Võ Văn T1 cũng đồng ý, nên cần ghi nhận sự tự nguyện này của các bên đương sự.

Về con chung: Giao bé Trần Chí Tâm sinh ngày 08/7/2014 cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với Võ Mỹ Tiên và Võ Minh Thiên đã trưởng thành không đặt ra xem xét.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Anh Võ Văn T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ: Không có nên không đặt ra xem xét.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị T phải nộp án phí số tiền 300.000đ, chị T đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0010026 ngày 08/3/2024 được chuyển thu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 55, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Võ Văn T1.

2. Về con chung: Giao bé Trần Chí Tâm sinh ngày 08/7/2014 cho chị Trần Thị T nuôi dưỡng, hiện chị T đang nuôi dưỡng được giữ nguyên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra xem xét.

Anh Võ Văn T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ: Không có nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị T phải nộp án phí số tiền 300.000đ, chị T đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0010026 ngày 08/3/2024 được chuyển thu án phí.

Án xử công khai, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện Đông H;
- Chi Cục THA.DS huyện Đông H;
- Các đương sự;
- Lưu.

Lê Thị N